TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ–ST
Ngày: 22-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;

2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1965;

Cư trú tại: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh N, vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1978;

Cư trú tại: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/20120 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Ngô Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Q tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1993 đến nay, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 1996 bà Q đã bỏ nhà đi,

ông bà không còn chung sống từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông và bà Q có một con chung là chị Ngô Thị Đ, sinh ngày 16/10/1995. Hiện nay chị Đ đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/5/2020, bị đơn bà Trần Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn C chung sống vợ chồng từ năm 1993 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống do tính tình giữa hai người không hợp, bất đồng quan điểm sống nên năm 1996 bà bỏ nhà đi, bà và ông C không còn chung sống từ đó đến nay nên bà đồng ý ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có một con chung là chị Ngô Thị Đ, sinh ngày 16/10/1995. Hiện nay chị Đ đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Q chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1993 đến nay không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Ông C và bà Q có một con chung là chị Ngô Thị Đ, sinh ngày 16/10/1995, chị Đ đã trưởng thành, ông C bà Q không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C, bà Q không yêu cầu giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Q là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà Q.

[2] Về hôn nhân: Ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông C và bà Q có một con chung là chị Ngô Thị Đ, sinh ngày 16/10/1995. Hiện nay chị Đ đã trưởng thành, ông C bà Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Ngô Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Q có một con chung là chị Ngô Thị Đ, sinh ngày 16/10/1995. Hiện nay chị Đ đã trưởng thành, ông C bà Q không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Q không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Ngô Văn C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0007197 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính Đ thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (L).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương